

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

THẾ GIỚI NGÔN TỪ VÈ NHỮNG MÀNG MÀU HẬU CHIẾN TRONG TRUYỆN NGẮN “XƯA KIA CHỊ ĐẸP NHẤT LÀNG” HỒ VĂN HẢI*

TÓM TẮT: Bài viết hướng tới việc vận dụng “Lí thuyết Thế giới ngôn từ” để tiếp cận một phương diện cốt yếu trong truyện ngắn “Xưa kia chị đẹp nhất làng” của Tạ Duy Anh. Đây là tác phẩm được đánh giá cao về mọi mặt trong nền văn học đương đại. “Lí thuyết Thế giới ngôn từ” xem tác phẩm như một thế giới sống động được chứa đựng trong một hệ thống ngữ liệu phức tạp và độc đáo. Trong đó, mỗi đơn vị ngôn từ là những dấu hiệu về sự “diễn giải” thế giới mà những đối tượng tham gia vào văn bản tạo ra. Sử dụng cách nhìn trên để nghiên cứu tác phẩm truyện có thể giúp người tiếp nhận và phân tích văn chương nhận thức một cách sâu sắc về đẹp của thi pháp ngôn ngữ và hệ thống ý nghĩa ẩn dấu phía sau thế giới nghệ thuật của tác phẩm.

TỪ KHÓA: thế giới ngôn từ; trực chi; thế giới nhận thức; thế giới tình thái.

NHẬN BÀI: 10/02/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 14/07/2025

1. Mở đầu

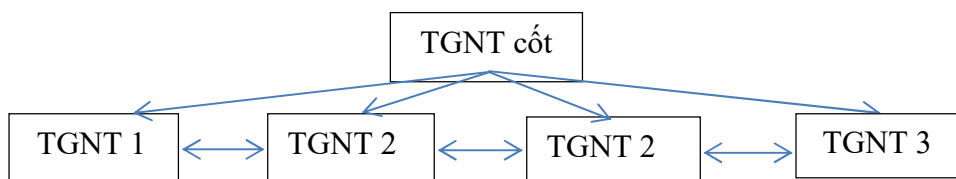
Khi nhận thức thế giới hiện thực và diễn đạt nó bằng ngôn ngữ, con người sử dụng tri thức của mình để “định vị” các thực thể xung quanh. Các thực thể đó được gọi là “trực chi”. Trực chi có vai trò chỉ ra không gian, thời gian trong một hành vi phát ngôn cụ thể và chứa đựng sự đánh giá của con người thông qua mối liên hệ giữa họ với những yếu tố khác có trong môi trường xung quanh. Thế giới “trực chi” có thể là hiện thực trước mắt, hoặc của kí ức, của sự tưởng tượng, cũng có thể là của mơ ước. “Trực chi” được thể hiện bằng các yếu tố thuộc phạm trù không gian (gần, xa, bao quát, cụ thể...) hoặc thời gian (hiện tại, quá khứ, tương lai). Chúng được thể hiện bằng tên gọi hoặc thuộc tính của các sự vật, hiện tượng, con người... và đi vào kiến tạo tác phẩm với tư cách là các đối tượng, bối cảnh, sự kiện... Trong đó, các thuộc tính của “trực chi” được gắn với từng thực thể. Quá trình tham chiếu của các “trực chi” đã tạo ra thế giới ngôn từ (TGNT). Như vậy, TGNT là thế giới mà người đọc nhận được trong quá trình tri nhận các trực chi của tác phẩm. Thế giới này được hình thành từ những hệ quy chiếu hiện thực của tác giả, của nhân vật và của người đọc. Vì vậy, TGNT không chỉ do ngôn ngữ của tác phẩm quy định mà còn do những yếu tố khác ngoài nó tạo nên. Đó là kiến thức, năng lực, cảm xúc... của cả người tạo lập và người tiếp nhận ngôn bản. Ngôn bản chỉ là phương tiện để giúp “hình dung” ra “thế giới” của tác phẩm. Người đọc với tư cách là chủ thể nhận thức, đang ở trong “hệ sinh thái hiện sinh”, có thể dùng những hiểu biết của mình về thời đại của nhân vật (qua thao tác “hoàn nguyên văn hóa”); những thông tin về tính cách, hoàn cảnh... đã được “làm rõ” trong những ngôn bản đã phổ biến trước đó để nhận về một “hình ảnh sống động” đối tượng đã được tác phẩm miêu tả. Cách hiểu, cách cảm của mỗi người về tác phẩm là TGNT của riêng họ, thế giới được nhận thức từ “thế giới cốt lõi” mà tác phẩm tạo ra. Các nhân tố cấu thành “thế giới cốt lõi” gồm hệ thống các “dấu hiệu” giúp người tiếp nhận có được những cơ sở ban đầu để khám phá TGNT của tác phẩm. Có thể quy các “dấu hiệu” của “thế giới cốt lõi” về bốn phương diện cơ bản: 1) thời gian; 2) không gian; 3) thực thể; 4) các mối liên hệ. Các yếu tố này liên tục thay đổi để tạo ra những TGNT mới và chúng được nhận ra bởi hàng loạt dấu hiệu như: 1) sự dịch chuyển về thời gian; 2) sự dịch chuyển về không gian; 3) sự dịch chuyển cả không gian lẫn thời gian. Trong truyện, mỗi tình tiết, sự kiện có thể tương ứng với một sự dịch chuyển của TGNT làm cho cốt truyện phát triển liên tục. Các yếu tố ngôn từ đóng vai trò thể hiện sự dịch chuyển tiêu điểm được gọi là “nhân tố thúc đẩy chức năng”. Khi nhận ra sự dịch chuyển này, người đọc có thể hình dung khá trọn vẹn đối tượng mà nhà văn miêu tả. Theo

*TS; Trường Đại học Sài Gòn; Email: hovanhaidhsg@gmail.com

Werth, TGNT trong tác phẩm có thể bao hàm những “thể giới” với những đặc điểm, chức năng khác nhau. Có thể “phân lập hóa” chúng thành ba loại cơ bản: 1) thể giới trực chỉ (tham tố nhìn từ góc độ “logic hình thức”); 2) thể giới nhận thức (tham tố nhận biết phẩm chất); 3) thể giới tình thái (tham tố đánh giá, xúc cảm) [Werth, 1999, tr.216]. Theo Gavins, J. (2007), các thể giới trong tác phẩm văn chương được hình thành dưới tác động của cảm xúc chủ thể phản ánh và hiện ra như là những thể giới tình thái. Ông cho rằng, một văn bản bất kỳ có thể chứa đựng bên trong nó ba kiểu tình thái điển dạng: tình thái ước vọng; tình thái đạo nghĩa; tình thái nhận thức. Trong tác phẩm văn chương, tình thái nhận thức là thể giới phổ biến nhất, được thể hiện qua tiêu điểm, là “góc quét” đối tượng, cùng với ngôi kể và giọng điệu của nhà văn. Đây là sự khác biệt rất lớn giữa TGNT của truyện so với TGNT trong các loại diễn ngôn phi nghệ thuật khác. Việc sử dụng Lí thuyết Thể giới ngôn từ (LTTGNT) để giải mã phân căn bản nhất của tác phẩm “Xưa kia chị đẹp nhất làng” sẽ là một khảo nghiệm thú vị. Đây là truyện ngắn tạo nên nổi ám ảnh lớn ngay từ khi mới ra đời nhờ tính chất “đa thông điệp” của nó.

2. Kết cấu Thể giới ngôn từ của tác phẩm “Xưa kia chị đẹp nhất làng”

Từ LTTGNT và những yếu tố khác như thời điểm ra đời, tác giả, người đọc hôm nay và những giá trị phổ quát của nền văn hóa Việt vẫn được lưu giữ trên dòng chảy thời gian cho phép chúng ta tri nhận và lí giải TGNT của truyện “Xưa kia chị đẹp nhất làng” với độ tin cậy cao. Có thể hình dung TGNT cốt lõi trong tác phẩm qua sơ đồ sau:



TGNT cốt lõi xây dựng bức tranh số phận người phụ nữ từ khi trưởng thành, xinh đẹp nổi tiếng, trải qua những biến cố lớn và cuối cùng sống lặng lẽ với một đứa con hoang. Cấu trúc TGNT của tác phẩm khá phức tạp, là sự “giao động” giữa các mảng thời gian - không gian theo lời kể, tả của người trong cuộc và theo sự hồi tưởng của nhân vật. Truyện xoay quanh 4 TGNT chính: TGNT (1) thông tin cơ bản về chị Túc → TGNT (2) thời son trẻ và tình duyên → TGNT (3) thời thanh xuân trôi nhanh → TGNT (4) thực tại nghiệt ngã.

2.1. Thể giới ngôn từ của những thông tin cơ bản về nhân vật chính

TGNT (1) gồm 3 tiểu TGNT: TGNT (1.1) về đẹp của chị Túc → TGNT (1.2) sự ngưỡng mộ của những người xung quanh; TGNT (1.3) chị Túc ý thức về giá trị của mình.

TGNT (1.1) gồm 6 tham tố chính. Tham tố thời gian: cả nước có chiến tranh. Tham tố không gian: làng quê miền Bắc, giếng nước. Tham tố nhân vật: chị Túc, trai làng. Tham tố tình thái: ngôi kể thứ nhất và lời thoại của các nhân vật; giọng điệu tâm tình sâu lắng.

Tham tố vật thể và các đặc tính được gán: *chị Túc* → *xinh, tươi rói như một bông hoa; thân hình* → *thon thả; bờ vai* → *tròn trịa, chiếc áo* → *màu nâu tươi; cặp môi* → *chín mọng; nụ cười* → *sức hút mê mị; cặp mắt* → *hai miếng cau bồ khéo; hình ảnh (chị)* → *ảo ảnh của một giấc mơ; sóng nước* → *chập chờn, lung lay đùa giỡn; tiếng cười* → *vô tư.*

Tham tố thúc đẩy chức năng: *bao nhiêu cặp mắt si mê* → *đậu vào đó; bao nhiêu lời mây gió* → *thoảng qua tai chị; trai làng* → *đuổi theo chị; cặp mắt* → *chớp chớp nhìn xuống đất; chị* → *chờ đợi; người gọi* → *kính sợ* → *đứng ngậy ra; chị* → *bồn chồn với chính hình ảnh tận đáy giếng* → *phá ra cười một mình; chân trắng trắn* → *bước đi mềm mại; ai đó* → *gọi; chị Túc* → *ngiêng nghiêng mái đầu,...*

TGNT (1.1) mở ra một không gian quá khứ với phần tử hồi chỉ *ngày ấy*. Đầu tiên là các phần tử khái quát nét xuân sắc của nhân vật: *ngày ấy, chị Túc xinh lắm, ở vào tuổi mười tám chị tươi rói như*

*một bông hoa. Với thân hình thon thả, bờ vai chị tròn trịa, lẫn trong chiếc áo màu nâu tươi. Các trục chỉ độ tuổi, thân hình, trang phục tạo ra một thế giới nhận thức về vẻ đẹp của một thôn nữ đang độ xuân sắc rực rỡ nhất... Bước dịch chuyển tiếp theo tạo nên TGNT (1.2) của sự “phản hồi” với những trục chỉ miêu tả góc nhìn của người khác, khởi đầu bằng hành động yêu cầu: *Dừng lại đã nào...* với tham tố mô tả âm thanh *khắc khoải bật ra từ nơi sâu thẳm của một lồng ngực bị dồn ép* của người gọi. Những trục chỉ tiếp theo mô tả vẻ đẹp của người con gái: *cặp môi chín mọng khẽ mở ra; nụ cười có sức hút mê mị; cặp mắt giống hai miếng cau bồ khéo* khiến cho chính người gọi phải *kính sợ đứng ngây ra...* trước vẻ đẹp *quá xa vời tựa cái ảo ảnh của một giấc mơ còn sót lại*. Thế giới nhận thức chuyển dần sang thế giới tình thái trong TGNT (1.3) với sự dịch chuyển điểm nhìn qua vai kể của người dẫn chuyện cùng các tác tử chỉ thời gian *chiều nào (cũng vậy)* để mở ra một không gian có *giếng nước*, có hình ảnh người gánh nước vô tình nhìn thấy bóng mình dưới *sóng nước chập chờn, lung lay đùa giỡn mà bồn chồn rồi phá ra cười một mình*. TGNT trở lại với những yếu tố đặc tả: *chân trắng trần bước đi mềm mại; nghiêng nghiêng mái đầu thay cho lời đáp*. Bằng những trục chỉ từ về hành động và biểu cảm của nhân vật, ngôi kể khách quan đã tạo lập một thế giới tình thái nhận thức của chính nhân vật khi nhận ra vẻ đẹp của mình và hồn nhiên tận đáy với chính nó càng khiến cho vẻ đẹp đó trở nên lung linh, ảo diệu hơn.*

Như vậy, TGNT (1) được xây dựng bởi 3 tiểu TGNT bộ phận: đi từ thông tin khái quát đến các trục chỉ thuộc tiêu điểm khách quan (cái nhìn của người khác) và kết thúc ở trục chỉ thuộc tiêu điểm chủ quan (tự nhận thức) về nhân vật. Bằng sự thay đổi tiêu điểm hợp logic và ngôi kể người trong cuộc, tác giả đã tạo ra một TGNT thông qua những thuộc tính nổi bật nhất, vừa đủ để người đọc hình dung ra nhân vật với những điểm nhấn đầy ấn tượng.

2.2. Thế giới ngôn từ về thời son trẻ cùng mối tình thâm kín của chị Túc

TGNT (2), gồm 2 tiểu TGNT: TGNT (2.1) mối tình thâm kín; TGNT (2.2) quyết liệt từ chối lời tỏ tình. TGNT (2.1) gồm 6 tham tố chính. Tham tố thời gian: diễn tiến tuổi thanh xuân của chị Túc trôi nhanh. Tham tố không gian: làng quê nơi chị Túc sinh sống, chiến trường B1. Tham tố nhân vật: chị Túc, thím chị Túc, nhân vật xưng “tôi”, Kiều, anh chỉ huy, bộ đội, dân làng. Tham tố tình thái: ngôi kể thứ nhất của người trong cuộc và lời thoại của các nhân vật; giọng điệu tâm tình tha thiết.

Tham tố vật thể và các đặc tính được gán: *chiến tranh* → *lời tuột đi các chàng trai mới chớm tuổi mười tám; một lá thư* → *để ngoài bì dòng tên chị; mặt trận B1* → *đang bước vào giai đoạn quyết liệt*.

Tham tố thúc đẩy chức năng: *trai làng* → *lần lượt lên đường; chị Túc* → *sang tuổi hai mươi rồi hai mươi lăm; những đơn vị bộ đội* → *ầm ầm kéo đến* → *biến đi như có phép; mẹ tôi* → *đọc thư* → *sụt sùi lau nước mắt* → *đưa thư cho chị Túc; khuôn mặt chị* → *bản thân; cả làng* → *đón một đoàn quân khác; đơn vị bộ đội* → *biến mất; cả làng* → *hỏi nhau; chị Túc* → *nhận được một lá* → *lập cập lời từ lồng ngực ra tám phong bì; tôi* → *chờ đợi; chị Túc* → *không sao đọc tiếp được nữa* → *cùng im lặng; mẹ tôi* → *thở dài đánh sượt; chị Túc* → *khóc nức lên; anh chỉ huy* → *không thấy thêm một lời hỏi thăm nào khác*.

TGNT (2.1) mở ra với thế giới trục chỉ mô tả hoạt động của con người. Mở đầu là *Trai làng lần lượt lên đường*, tiếp đến là sự quay trở lại thực tại của nhân vật, *chị Túc sang tuổi hai mươi rồi hai mươi lăm lúc nào chị không nhớ*. Tham tố tuổi hai mươi, hai mươi lăm ở làng quê biểu đạt giới hạn cuối cùng của thời vàng son để chọn chồng, sau cái ngưỡng ấy coi như bị “ế”. Tác giả tiếp tục tô đậm tham tố tuổi thanh xuân qua nhanh của chị Túc bằng các tham chiếu của một diễn tiến song hành: *những đơn vị bộ đội ở đâu ầm ầm kéo đến, ở lại vài tháng đủ để thương để nhớ rồi biến đi như có phép và một đoàn quân khác lại đến...* Tiếp đến là khung cảnh của người ở lại nhận tin dữ: *...cả tiểu đoàn em qua khỏi Quảng Trị chỉ còn vài chục người*. TGNT chuyển vào việc chị Túc tìm kiếm một dấu hiệu về lời tỏ tình trong thư của những người lính từng đóng quân ở làng nhưng thất vọng: *Chị nằm xoài ra giường hết lật sắp lại lật ngửa tờ giấy và mong đợi một manh mối về một lời tỏ tình để “đánh dấu” một mối tình, cho dù nó chẳng đi đến đâu, của thời thiếu nữ rực rỡ nhất: chị muốn tìm cái “bên trong” kia! Lúc chị trả lại thư cho mẹ tôi, khuôn mặt chị thoáng một chút bản thân*. Sự tìm kiếm của chị Túc

tạo ra một thế giới tình thái đặc biệt: hi vọng dù mong manh nhưng vô cùng quyết liệt vì chị ý thức sâu sắc về sự ngăn ngùi của thời con gái kiều sa. TGNT tiếp tục dịch chuyển vào nhân vật chính với lá thư thứ hai của một người chỉ huy từng đóng quân tại làng với lời tỏ tình vô cùng đặc biệt: *"Tôi... chờ em bước ra từ vàng trắng... bởi vì em là vị Phúc thần của những người lính trận như tôi..."*. Sự dịch chuyển về trục chỉ của cùng một tiêu điểm đạt đỉnh với chồng thư càng ngày càng dày hơn: *Đông Hà ngày...; Khe Sanh 9 giờ ngày...; Nam Lào, bên một tảng đá có khóm hoa Trinh nữ...* được chị Túc lưu giữ, trân quý nó như những báu vật. Các trục chỉ đã tạo nên một nghịch lí: càng nhận nhiều thư, người con gái càng trông ngóng một lá thư chưa tới: *anh chỉ huy viết lá thư đầu cho chị, thay lời cầu hôn không thấy thêm một lời hỏi âm nào khác giữa lúc mặt trận B1 đang bước vào giai đoạn quyết liệt đã gọi ra một TGNT nhận thức: dự cảm về điều chẳng lành đang dần hiện ra. Tham tố hoa trinh nữ bên tảng đá trong dòng nhật kí gọi ra một thế giới tình thái nhận thức đặc biệt: trong lòng người lính, bóng hình thiếu nữ hậu phương mãi trinh nguyên trước sự câm lặng của tạo hóa gọi ra cả một niềm đau...*

TGNT (2.2) quyết liệt từ chối sự tỏ tình thô bạo, gồm 6 tham tố chính. Tham tố thời gian: hồi chỉ về một khoảnh khắc ngắn trong thời son trẻ và rực rỡ nhất của nhân vật. Tham tố không gian: làng quê, đê Bộc; hội thi gái đăm. Tham tố nhân vật: chị Túc, anh Hào, dân làng. Tham tố tình thái: ngôi kể thứ nhất và lời thoại của các nhân vật; giọng điệu có tính chất đa thanh.

Tham tố vật thể và các đặc tính được gán: *làng xóm → im lìm như sắp vào trận; trắng → sáng; phía đê Bộc → vẳng lên những câu hò; tiếng hò → lúc xa lúc gần; gió → phả hương lúa; sương mù → lằng đằng; giọng trả lời → thiếu não; mùi gạo tám → bốc lên; hạt cơm, trâm hạt → như một; bát cơm → bát bông; hơi cơm chín → ngào ngạt; trời sao → quay cuồng; vàng trắng → ứa máu.*

Tham tố thúc đẩy chức năng: *đám đàn em → bắt phải cung khai tên tuổi người yêu; chị Túc → đành nhận "yêu lính"; chị Túc → nhận ra gã con trai; bóng đen → đứng im; chị Túc → xóc lại súng; anh ta → lăm lè bước; gã đàn ông → sán lại; khối đen → nhảy dựng lên rồi đổ ụp xuống; toàn thân chị → sắp tan thành đất; anh ta → trườn như con bò sát khổng lồ trên cơ thể chị; chị → thấy ngạt thở và muốn nôn → toàn thân co dúm lại → lật sấp người xuống → co chân đạp; anh ta → rống lên; chị → chộp khẩu súng; gã đàn ông → ôm bụng lăn lóc; chị Túc → kéo quy lát → mím môi rẻ nòng súng → nhắm mắt lại → tay là dần xuống...*

TGNT (2.2) thế giới vọng tưởng chợt hiện ra trong dòng thời gian không ngừng trôi cuốn theo thời son trẻ của chị Túc. Mở đầu là các trục chỉ mô tả cảnh thôn quê *im lìm* đầy vẻ huyền bí dẫn dắt người đọc vào những góc ngách của nó, với *trắng thì cứ sáng, phía đê Bộc vẳng lên từ hội gặt lúa đêm; những câu hò vừa chua ngoa vừa tình tứ...* Tiếp đến là sự xuất hiện của một yếu tố làm thay đổi khung cảnh im ắng vốn có: *tiếng người bước rất khẽ trên cỏ*. Đó là Hào, một kẻ cơ hội: *cao lớn, chồm đến tuổi nghia vụ biển mất tăm, lù lù có mặt ở hội nấu cơm thi, bánh bao như một trí thức thành phố, bám chặt lấy chị Túc*. Tiêu điểm chuyển sang khung cảnh hội thi với *giải nhất vẫn thuộc về tay chị* đã tăng thêm sự khao khát của Hào, tên đàn ông trồn lính. Kết thúc hội thi *"Anh ta" liền bám theo như cái đuôi rồi tấn công để chiếm đoạt chị Túc: trườn như con bò sát khổng lồ trên cơ thể chị, đôi tay tham lam đang bóp vụn tất cả những gì lọt vào nó...* TGNT được thúc đẩy bởi hành động phản kháng quyết liệt của chị Túc: *co chân đạp một cái thật mạnh vào khối đen đang mất hướng, khiến anh ta rống lên một tiếng như con chó bị đánh; đầu súng đã dính chặt vào lưng gã, chị liền nhắm mắt lại*. Với việc sử dụng ngôi kể khách quan, tác giả đã tạo ra một tiểu TGNT về "đỉnh cao thứ nhất" đầy kịch tính trong cuộc đời người con gái tài sắc và một hiện thực đáng lên án trong hoàn cảnh đất nước đang có chiến tranh.

Như vậy, TGNT (2) được xây dựng từ hai mảng màu, mảng của những cuộc gặp gỡ - chia li và mảng của những chuyện buồn chón làng quê thời chiến. Trung tâm của tiêu điểm là người con gái tài sắc, đang rực rỡ xuân thì nhưng chưa hề có một mối lương duyên.

2.3. Thế giới ngôn từ về thời thanh xuân trôi nhanh

TGNT (3) gồm 2 tiểu TGNT, như một bức tranh đối lập giữa hai mảng trắng đen: TGNT (3.1) là sự vô vọng của chị Túc và TGNT (3.2) là sự hã hê của kẻ hèn nhất, lẩn tránh trách nhiệm. TGNT (3.1) gồm 6 tham tố chính. Tham tố thời gian: miền Nam hoàn toàn giải phóng; đất nước sau ngày hòa bình lập lại; chị Túc vào tuổi 35. Tham tố không gian: làng quê. Tham tố nhân vật: chị Túc; những người cùng làng. Tham tố tình thái: ngôi kể thứ nhất và lời thoại của các nhân vật; giọng điệu tâm tình.

Tham tố vật thể và các đặc tính được gán: *chiến tranh* → *đang một mất một còn; những lá thư* → *ra đến miền Bắc, người viết nó không còn; chiến tranh* → *đã ngốn hết sạch họ; tiếng pháo* → *nổ liên miên mùa cưới; tiết trời* → *heo may, hun hút.*

Tham tố thúc đẩy chức năng: *bao nhiêu lượt đơn vị bộ đội dừng chân ở làng* → *vẫn không thấy một ai... trở lại; những người lính ấy* → *mang hình ảnh chị trước lúc ngã xuống; chị Túc* → *bước sang tuổi ba lăm; mẹ tôi và chị Túc* → *ghì nhau xuống giường* → *chan nước mắt lên ngực nhau; chị Túc* → *bắt đầu sợ những nơi ồn ào* → *lặng lẽ đến bưu điện* → *câm lặng làm cái việc "mò kim đáy bể"; những người bằng tuổi chị* → *dè dặt chị điên rồ* → *cho rằng, mỗi người có một bồn phận* → *chờ ai, chờ cái gì?* → *thấy chị Túc ra đi* → *cho rằng, chị bị loạn tình, ...*

TGNT (3.1) mở ra với thế giới trực chỉ về một mốc thời gian mới của nhân vật. Đó là lúc *chị Túc bước sang tuổi ba lăm*, cái tuổi "đã toan về già" với việc chiến tranh kết thúc và hàng triệu người cười, khóc vì mừng tuổi trong những cuộc vui gặp lại gia đình, người thân, bạn bè. Dù rằng chị là người nhận được nhiều thư nhất nhưng thật trớ trêu, tất cả chủ nhân của những bức thư ấy sau chiến tranh đều bật vô âm tín. Từ đó đã nảy sinh một thế giới tình thái, *chị Túc bắt đầu sợ những nơi ồn ào*, nhưng vẫn không đầu hàng số phận, *chị lặng lẽ đến bưu điện lục tìm điên cuồng trong đồng thư gửi từ miền Nam*. Hành động quyết liệt này đã mở một thế giới nhận thức: nhân vật không thôi hi vọng trong một tình thế gần như là tuyệt vọng; lí giải sự cuồng cuồng của một người con gái tài sắc nổi tiếng đã ở tuổi xế chiều mà không có cách nào để cứu vãn tình thế ngoài việc cố sức tìm kiếm chút manh mối lương duyên vô cùng mong manh trong quá khứ. Thế giới tình thái xuất hiện với trực chỉ là những câu hỏi nhói lòng từ trong ý nghĩ của nhân vật: *lẽ nào chiến tranh đã ngốn hết sạch họ?* đã khiến cho chị Túc dấn ý thức đầy đủ hơn về tình thế cùng đường của mình. Tiếp đến là sự xuất hiện của nhân tố thúc đẩy chức năng đưa thế giới nhận thức trong chính nhân vật chuyển trạng thái. Chị Túc tự an ủi mình bằng những lí giải tình thế hợp với logic thực tại: *có bao nhiêu làng quê trên đất nước này từng là nơi người lính dừng chân và sau chiến thắng còn tí ti thứ khiến anh ta nghĩ đến trước*. Nhưng trong chị vật vẫn khắc khoải câu hỏi: phải chăng điều thiêng liêng nhất giúp con người ta tồn tại được trong máu lửa lại bị "mất giá" nhanh đến như vậy sao. Có phải những người lính khi trở về liền quên phắt mình đã từng sống được nhờ lời ước hẹn thủy chung của ai đó và tự cho mình một cái giá cực đắt để vô tuột tất cả! Những khắc khoải, dằn vò đã khiến chị Túc cạn dần cả thể chất lẫn tinh thần. Thế giới ngôn từ trở lại với những trực chỉ về không gian làng quê: *rồi cả làng lại thấy chị Túc ra đi, âm thầm như con vạc lẻ đàn... Khắp làng, như mọi khi, lại bùng lên từng đợt đủ thứ bản tán. Kẻ rồi mồm nhiều vô cùng nên cũng nhiều chùng ấy những lời đồn tai quái...* TGNT (3.1) khép lại với sự biến mất của chị Túc cùng những lời đồn đầy ác ý, thậm chí có cả sự hã hê của những con người một thời đã nể phục, yêu mến chị đến cuồng nhiệt.

TGNT (3.2) gồm 6 tham tố chính. Tham tố thời gian: hòa bình lập lại. Tham tố không gian: làng quê. Tham tố nhân vật: chị Túc, anh Hào, những đứa trẻ, dân làng. Tham tố tình thái: ngôi kể thứ nhất và lời thoại của các nhân vật; giọng điệu có tính chất đa thanh.

Tham tố vật thể và các đặc tính được gán: *chiếc hon đa "sáu bảy"* → *đen trùi, cuốn bụi mù mù; Nhà cụ Phó Dộc* → *trở thành điểm thu hút trí tò mò; anh Hào* → *trở thành thần tượng; khuôn mặt thiên thần* → *vẫn là mối thách đố; con đường* → *chi chút vết chân trâu; chiếc xe* → *nhảy chồm chồm.*

Tham tố thúc đẩy chức năng: *chị Túc* → *đi được mấy tháng; anh Hào* → *về* → *đeo lon thiếu tá* → *phóng một chiếc hon đa; bọn trẻ con* → *ùa ra đón anh; mọi người* → *hướng về anh Hào; anh* → *vạm*

vỡ, hồng hào → cười nói oang oang → béo má đấm con gái; người ta → kéo đến; anh Hào → trở thành thần tượng → kể về chiến tranh → kể rất hào hứng; khách ở nơi khác → đến → ra vào im lặng → trao đổi bằng mắt; cụ phó Dọc → bỏ hẳn nghề đục đẽo; anh Hào → chưa biết lấy đường ngắm → quá phép ba ngày → không chịu lấy vợ → chờ chị Túc → còn mối hận năm xưa → ở "rón" lại; chị Túc → về; anh Hào → không rời bộ quân phục tá → giặt mình; người đàn bà ấy → đã sắp sang tuổi bốn mươi; anh Hào → chọn đúng cái điểm từng bị chị Túc dọa bắn năm xưa → toàn thân vã mồ hôi; người đàn bà → xanh xao → tiến thẳng về phía anh; anh → thở phào; người đàn bà → đưa mắt qua vai → nhìn chiếc cổ béo núng → không may may xúc động; anh Hào → đi từ gà gáy; chó của cả làng → đuổi theo xe,...

TGNT (3.2) tiếp nối thế giới tình thái nhận thức về sự hả hê, khinh bỉ chị Túc của dân làng trong TGNT trước đó bằng những trực chỉ mô tả sự kiện nhân vật đối lập xuất hiện làm thay đổi không gian làng quê. Đầu tiên là sự xuất hiện của Hào với những trực chỉ về vẻ ngoài giàu có, phong lưu, béo tốt giữa một làng quê nghèo sau chiến tranh: *đeo lon thiếu tá, phóng một chiếc hon da "sáu bảy" đen trũi; vạm vỡ, hồng hào tựa như chiến tranh chỉ là một trò chơi rất bổ ích... đến hành động sỗ sàng, lố bịch: cười nói oang oang, béo má đấm con gái; kể rất hào hứng, tuồng như việc hy sinh cả triệu người kia chỉ để cho những người như anh tha hồ đe nẹt bọn tư bản, địa chủ...* Trực chỉ của TGNT (3.2) chuyển qua một tiêu điểm mới về sự *quá phép ba ngày* nhưng chưa đi của Hào và có ý *không rời bộ quân phục tá, nổi bật lên đôi quân hàm đồ chơi...* Các trực chỉ đó được giải thích bởi tham tố nhận thức: *trong ký ức anh, khuôn mặt thiên thần của chị vẫn là mối thách thức, không chịu được.* Điều đó khiến Hào *chọn đúng cái điểm từng bị chị Túc dọa bắn năm xưa, làm nơi chờ chị đi qua....* để giáp mặt nhằm thách thức, sỉ nhục và khoe mẽ "sự thành đạt" theo cách hiểu của anh ta và của dân làng. Trực chỉ bắt đầu bằng các đặc tả về sự hăm hở, đắc ý với ý định trả thù chuyển dần vào các tham tố nhận thức tình thái khi Hào nhận ra một sự thật, tất cả những gì mình từng khao khát rồi phải cúi đầu chua chát, nhục nhã bây giờ đã biến mất không còn dấu vết. Đầu tiên là hiện thực đập vào mắt Hào: *người đàn bà da mặt xanh xao, hơi có dấu hiệu phù nề....* làm ý định trả thù để xua đi nỗi ám ảnh thất bại ngày xưa của Hào bị "rơi tự do". Hụt hẫng đến tận cùng khiến cho *sáng hôm sau, anh Hào đi từ gà gáy.* Nhưng khác với lúc trở về làng, khi mọi người đang chìm trong giấc ngủ, màn đưa tiễn Hào diễn ra rất đặc biệt: *chó của cả làng đuổi theo xe của anh ra tận đê Bộc.* Và cũng từ đây đến huyện không một lần nào anh Hào ngoái lại. Tất cả trực chỉ đã tạo nên một TGNT về "một cuộc tháo chạy" của Hào, kẻ chạy trốn sự thấp hèn của chính mình; tự nhận là thành đạt, hiển vinh nhưng lại đi "đổi đầu" với một "địch thủ không xứng tầm", một "đối thủ" chẳng còn may mắn chút khả năng kháng cự,...

Như vậy, TGNT (3) được xây dựng từ hai mảng màu của cùng một đối tượng, sự kiêu hãnh đến lố bịch của một kẻ cơ hội; sự hụt hẫng tận cùng của một tâm thế chuẩn bị công phu cho hành động trả đũa nhưng đối thủ thực sự đã biến mất.

2.4. Thế giới ngôn từ về thực tại nghiệt ngã

TGNT 4 gồm 2 tiểu TGNT: TGNT (4.1) gặp người đồng cảnh ngộ và TGNT (4.2) mằm hi vọng nảy sinh từ tuyệt vọng. TGNT (4.1) gồm 6 tham tố chính. Tham tố thời gian: chị Túc vào tuổi 40; những ngày chị Túc đi tìm kiếm tin tức người lính chỉ huy; những chiều tối trong công viên. Tham tố không gian: công viên; làng quê. Tham tố nhân vật: chị Túc, anh thương binh, đôi trai gái, dân làng. Tham tố tình thái: ngôi kể thứ nhất của người trong cuộc và lời thoại, độc thoại của các nhân vật; giọng điệu mang tính biểu cảm cao.

Tham tố vật thể và các đặc tính được gán: *nhật ký; đồng thư → không lỗ; mấy cô nhân viên → tốt bụng; bức họa → màu loang lổ; lớp bột → hòa tan từ chất điệp lục; bức họa → như được xếp bằng hàng ngàn chiếc lá; kỷ vật → đặc sắc nhất; cái nốt ruồi → ở mép dưới cô gái; bông hoa → tím sẫm lại; vị khách → đặt giá cả triệu đô la; mình (chị Túc) → tin anh ấy đã chết; khuôn mặt (thương binh) → khắc khổ; anh (thương binh) → như cái bóng trong bức tranh đen trắng; cặp mắt → buồn mênh mông,...*

Tham tố thúc đẩy chức năng: *mình (chị Túc) → đã lục gần hết đồng thư khổng lồ; họ → phải đáp ứng đủ thứ yêu cầu rắc rối; tìm mình (chị Túc) → đập loạn xạ lên; anh thương binh → ngồi lẻ loi trên ghế đá → bị cụt một chân, một tay và chi chít vết thương trên mặt; đôi trai gái → đang vờn nhau như mèo; anh (thương binh) → ngồi câm lặng → nhìn những ngôi sao → ngược nhìn mình; mình (chị Túc) → ngồi bất động → giật bắn mình → ngược nhìn anh; chiếc chân gỗ → nện xuống mặt đá lộ cộc; tấm lưng của anh → hòa tan vào màn đêm;...*

TGNT (4.1) mở ra với các trục chỉ có tính chất khái quát thực trạng nơi chị Túc sinh sống: *Làng Hạ ngày nay khác nhiều quá, người ta bắt đầu tập thói quen đứng dưng với mọi chuyện...* Tiêu điểm chuyển qua sự kiện chị Túc gặp người đồng cảnh ngộ giữa chập chờn của một thế giới hồi tưởng. Đầu tiên là những trục chỉ mô tả sự thất vọng của chị Túc: *ngày... Mình đã lục gần hết đồng thư khổng lồ ở Bưu điện Hà Nội. Tiếp đến là sự tăng tiến của tình thái, dấu hiệu của sự tuyệt vọng: Ngày... Vẫn không thấy anh ấy. Tổng cộng tới bốn mươi Mạnh nhưng không có Mạnh nào của mình...* Thế giới ngôn từ chuyển qua sự hồi tưởng qua các trục chỉ trong những trang nhật kí mô tả sự nhận biết của nhân vật qua hành động lặp lại quá nhiều thành “vô thức” khi *lang thang* bước chân vào viện bảo tàng chiến tranh. Đầu tiên là *buồn bã ngắm một bức họa, màu loang lổ, rồi bất chợt* ngạc nhiên trước một sự thật tình cờ: *Trời ơi, sao lại có hình mình treo ở đây?* Bức vẽ người con gái đã mở ra một thế giới tình thái nhận thức trong chị Túc: *Có lẽ anh đã mang tấm hình cô gái này trong tim suốt thời chiến tranh với xác tín của dòng chữ nhỏ bên dưới: "thần chiến thắng"; Có lẽ anh này ra ý định vẽ lại người yêu vào một đêm trăng...* Rồi nhận ra một sự thật nghiệt ngã qua lời hướng dẫn viên: *kỷ vật đặc sắc nhất của chiến tranh... trên thi thể một chiến sĩ ngã xuống trước cửa ngõ Sài Gòn... dòng chữ nhỏ bên dưới "thần chiến thắng"...* Bức ảnh đã được “định vị” bằng tham chiếu hành động của một vị khách thuộc nước bại trận đã đặt giá cả triệu đô la với mục đích đem về Mỹ để có thêm một tham số nhằm giải bài toán của sự thất bại. Những trục chỉ tiếp theo như *cái nốt ruồi ở mép dưới* khiến chị Túc đau đớn nhận ra tình thân của người ngắm mình: *cái nốt ruồi, trời ơi sao mình chưa bao giờ biết mình có cái nốt ruồi ở mép dưới.* Hình ảnh nốt ruồi duyên được người lính phát hiện và mang theo suốt nẻo đường chiến tranh như một xác tín: chị Túc đã có một “người yêu chính thống”. Điều đó càng làm cho chị đau đớn hơn. Tất cả báo hiệu cuộc tìm kiếm đã kết thúc trong tuyệt vọng, niềm đau đạt đến đỉnh khi sự thật đã được phơi bày, không còn chút hi vọng nào để níu kéo, để tự an ủi... TGNT (4.1) chuyển qua một tiêu điểm mới với không gian có chút thơ mộng đầy vẻ gợi nhớ đối lập với thực tại khắc nghiệt: *Trăng dịp này đang xanh... một anh thương binh ngồi lẻ loi trên ghế đá... bị cụt một chân, một tay và chi chít vết thương trên mặt... khuôn mặt khắc khổ... im lìm lạc vào trời chiều...* Các tham tố của trục chỉ bày ra với những gì thô mộc nhất, một thương binh nặng đôi mắt với hoàng hôn đang dần buông trong công viên im lìm ngoại trừ hai cô cậu đang quần lầy nhau. Sự dịch chuyển thời gian về tới với ánh trăng xanh mở ra một không gian dịu nhẹ để cho sự gặp gỡ, mở lòng của hai người trở nên dễ dàng hơn. Khi người thương binh *bất chợt ngược nhìn* và mở lời bằng một câu ngắn nhất có thể, như một thắc mắc nhưng chứa đựng cả một diễn ngôn dài: *"tối rồi!"*. Đối với anh, một người con gái nán lại trong công viên khi màn đêm dần buông chắc phải có một nguyên do “bất ổn” nào đó. Điều này đã thôi thúc anh mở lời. Câu đáp mà anh chờ đợi lại là một câu hỏi: *"Anh chờ ai ở đây?"*. Và đến lượt người đàn bà nhận được lời đáp đầy bất ngờ: *"Không ai cả!"*... *"Đã nửa năm... và sẽ đến hết đời"*. Câu trả lời đã mở ra một thế giới tình thái nhận thức mới. Niềm tin được “cứu sống”, cái cơ để tự an ủi đã trở lại khi người đàn bà ấy nhận ra trên đời này vẫn có những kẻ khao khát sống nốt phần đời còn lại mà không thể, không có gì để chờ đợi... như mình. Chị Túc đã tìm được người đồng hành, một “người thừa” giống mình, sống không có gì để hi vọng, để níu kéo sau khi đã dâng tặng tất cả tuổi trẻ, sức lực, thân thể cho lí tưởng cao đẹp,...

TGNT (4.2) gồm 6 tham tố chính. Tham tố thời gian: sau khi chiến tranh kết thúc khoảng 5 năm; ba tháng; chiều tối. Tham tố không gian: công viên. Tham tố nhân vật: chị Túc; anh thương binh, dân làng. Tham tố tình thái: ngôi kể thứ nhất và lời thoại của các nhân vật; giọng điệu cảm thương. Tham tố vật thể và các đặc tính được gán: *khuôn mặt đàn ông → kỳ lạ,...*

Tham tố thúc đẩy chức năng: *mình (chị Túc) → trở lại → ngồi trên chiếc ghế đá → đang đi tìm cái đã mất; anh (thương binh) → đã trở lại → nhìn sâu vào mắt mình → gương mặt bừng sáng như trẻ thơ → khóc → ngồi lặng → tay sờ rầm lên những mạch máu li ti của mình; mình → thấy rõ tiếng hồi âm từ một thế giới xa xôi → báo hiệu có cái gì như sự cộng hưởng của hai trái tim; anh → vùng dậy, hú hét → chết vì một con tái phát dữ dội,...*

TGNT (4.2) sự trở lại của thế giới nhận thức với không gian công viên. Từ những đối thoại, họ đã tìm thấy một sự tương đồng khủng khiếp và nghiệt ngã: *"Chị tìm gì ở đây?!"*. *"Không - gì - cả!"*; *"tôi biết thế nào cũng có người không tìm cái gì như chị!"*; *"Và một người không - chờ ai như anh?"*. Những trực chỉ của sự tương đồng, chuyển dần sang những trực chỉ của sự đồng cảm: *Anh nhìn sâu vào mắt mình, gương mặt bừng sáng như trẻ thơ. Không hiểu sao phút đầu tiên mình trao cuộc đời cho anh, mình lại khóc dữ dội đến thế*. Hai con người bị thực tại cướp mất giá trị gặp nhau, hòa nỗi đau vào nhau để tạo nên một sinh thể. Đứa con không giá thú, với người đời là sự mĩa mai, với người đàn bà là một đặc ân mà ông trời đã ban tặng sau bao khổ đau, dằn vặt, đầy ải... Thế giới trực chỉ chuyển từ hồi tưởng sang hiện tại. Thế giới tình thái đạo nghĩa mở ra với việc người đàn bà có một đứa con hoang. Câu trả lời có dạng thức một câu hỏi đã làm phát lộ sự dửng dưng thậm chí là cay nghiệt có ý mĩa mai của dân làng: *Giờ đây có ai về làng Hạ, hỏi đến chị Túc sẽ được mọi người trả lời thế này: "Chị Túc chữa hoang phải không?... Thế giới tình thái lại chuyển qua một thế giới nhận thức: Không mấy ai còn nhớ xưa kia chị Túc xinh đẹp và tài đảm nhất làng*. Giọng điệu lạnh lùng khách quan của ngôi kể thứ ba đủ để người đọc hình dung một lời cảnh cáo nghiêm khắc được gửi tới nhân thế,...

Như vậy, TGNT (4) được xây dựng từ hai mảng màu sáng - tối về số phận con người trong và sau chiến tranh. Người đọc hình dung ra một bông hoa hậu phương sười ấm lòng người lính. Khi chiến thắng, bông hoa ấy tàn lụi chờ đợi trong mõi mòn và sự ghen ghét, đố kỵ của người đời giống như phé binh kia, bị cuộc sống quên lãng và trở nên vô giá trị. Tham chiếu đa trị này vừa “định vị” giá trị của người đàn bà vừa tạo ra một thế giới nhận thức: đã đóng góp vào cuộc chiến bằng vẻ đẹp lung linh trong lòng người lính thì cũng phải “bất cần” để đứng dậy, để sống tiếp như người phé binh *không chờ ai* kia.

3. Kết luận

Lí thuyết Thế giới ngôn từ (LTTGNT) của Paul Werth với sự bổ cứu của Gavins đã mở ra một hướng đi mới cho phân tích tác phẩm văn chương, chỉ ra cách tiếp cận mang tính phương pháp luận có thể lí giải quá trình tri nhận của tất cả các hình thức giao tiếp. Lí thuyết này được xem là một hướng đi rất có triển vọng, nó góp phần nâng cao chất lượng sáng tác, nghiên cứu và thưởng thức tác phẩm văn chương nói chung, truyện kể nói riêng. Tạ Duy Anh đã lấy hiện thực cuộc sống hậu chiến để xây dựng một TGNT đa thông điệp. Đó không chỉ là thế giới tình thái nhận thức về số phận người phụ nữ trong và sau chiến tranh mà còn là thế giới tình thái nhận thức về những giá trị bất biến giữa cái khả biến của đời sống nhân sinh đang cuộn cuộn chảy. Tên gọi của tác phẩm mở ra cả một thế giới tình thái nhận thức có sức gợi và nổi ám ảnh ghê gớm: sự thăng thót trước những giá trị của thực tại mong manh; hi vọng về sự bất tử của những điều thiêng liêng. Câu chuyện khép lại với loạt liên tưởng hiện ra trong tâm trí người đọc: một kiếp “hồng nhan đa truân”; một chiêm nghiệm về đời con gái như hoa, sớm nở tối tàn; một triết lí đời sống trần trụi, với những bộn bề của thực tại, con người ta rất dễ quên đi những giá trị cao cả, thiêng liêng, thậm chí quay ra ngưỡng mộ những điều mà ngay ngày hôm qua mình vừa mới khinh bỉ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Brown, G, Yule, G. (2002), *Phân tích diễn ngôn* (Trần Thuần dịch), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tiếng Anh

2. Gavins, J. (2007), *Text World Theory: An Introduction*. Edinburgh: Edinburgh University Press.
3. Werth, P. (1999), *Text Worlds: Representing Conceptual Space in Discourse*. London: Longman.
4. Whiteley, S. (2010), *Text World Theory and the Emotional Experience of Literary Discourse* (unpublished PhD thesis). School of English Literature, Language and Linguistics, Sheffield, The University of Sheffield.
5. Whiteley, S. (2011), *Text World Theory, Real Reader and Emotional Responses to the Remains of the Day*. *Language and Literature*, 20 (1), 23-42.

The text world of post war fragments in the short story**“She was before the most beautiful in the village”**

Abstract: The article aims to apply "Text World Theory" to approach an essential aspect in the short story "She was before the most beautiful girl in the village" by Ta Duy Anh. This is a work that is highly appreciated in all aspects of contemporary literature. This theory views a work as a living world contained in a complex and unique linguistic system. In particular, each verbal unit is a sign of the "interpretation" of the world that the subjects participating in the text create. Using the above perspective to study works of fiction can help those who receive and analyze literature to deeply perceive the beauty of linguistic poetics and the system of meanings hidden behind the artistic world of the work.

Key words: the text world; deixis; the cognitive world; the modal world.